

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H. M

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số:15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2023

Về việc tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H. M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Sơn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 755/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "*tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX - ST ngày 01 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/03/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh V. B. D, sinh năm 1975; nơi cư trú: P2801, Tòa C, Vinaconex 2, khu đô thị K. V Kim Lũ, quận H. M, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 031075003735 cấp ngày 23/12/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và QL DL về dân cư. *Có mặt.*

Bị đơn: Chị N. T. H, sinh năm 1978; nơi cư trú: P2801, Tòa C, Vinaconex 2, khu đô thị K. V Kim Lũ, quận H. M, Thành phố Hà Nội. Căn cước

công dân số 001178035588 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh V. B. D trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Anh và chị N. T. H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội vào ngày 28/01/2005. Anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh khẳng định vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N. T. H.

2. Về con chung: Anh và chị N. T. H có 03 con chung là V. N Phương Anh (nữ) sinh ngày 21/6/2008, V. N Hồng Anh (nữ) sinh ngày 10/9/2012 và V. N Thảo Anh (nữ) sinh ngày 28/5/2016. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

3. Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, văn bản ghi lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị N. T. H trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Chị và anh V. B. D kết hôn tự nguyện. Ngày 28/01/2005, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên do, vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay, anh D cương quyết xin ly hôn chị tại Tòa án thì chị cũng đồng ý, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng đều không có kết quả.

2. Về con chung: Chị cũng xác định có 03 con chung với anh D, là V. N Phương Anh (nữ) sinh ngày 21/6/2008, V. N Hồng Anh (nữ) sinh ngày 10/9/2012 và V. N Thảo Anh (nữ) sinh ngày 28/5/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi. Nếu không được thì chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu V. N Thảo Anh, còn hai cháu V. N Phương Anh và V. N Hồng Anh để cho các con tự quyết định, sống cùng ai chị cũng tôn trọng ý kiến của các cháu.

3. Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

[1] Nguyên đơn anh V. B. D tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, nếu không được anh xin nuôi hai cháu lớn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn chị N. T. H trình bày: Thời gian qua chị đã rất cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng để đoàn tụ nhưng anh D cương quyết ly hôn. Vì vậy, chị cũng đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung; việc cấp dưỡng, chị không yêu cầu mà tùy lương tâm và trách nhiệm của anh D đối với các con. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: chị cũng thống nhất với anh D là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị cũng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H. M phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H. M thụ lý Đơn ly hôn của anh V. B. D đối với chị N. T. H là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến

hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị H đã có lần vắng mặt theo giấy triệu tập và Tòa án đã phải hoãn phiên tòa lần 1, dẫn đến vụ án bị kéo dài thời gian giải quyết.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V. B. D, xử cho anh được ly hôn chị N. T. H; về con chung: giao 02 con chung là V. N Phương Anh và V. N Hồng Anh cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Vũ Thảo Anh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn; về tài sản chung, nhà đất ở chung các đương sự tự thỏa thuận, nên không xét. Về án phí anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh V. B. D có Đơn ly hôn đối với chị N. T. H, nơi cư trú tại: phòng P2801, Tòa C, Vinaconex 2, khu đô thị K. V Kim Lũ, quận H. M, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H. M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V. B. D và chị N. T. H, khi kết hôn có tình cảm và tự nguyện. Ngày 28/01/2005 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 06 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng tH xuyên, cãi nhau, xúc phạm nhau, thiếu sự quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2022 cho đến nay. Anh D từ khi gửi đơn ra tòa lúc nào cũng cương quyết yêu cầu ly hôn chị H, anh D thấy không còn tình cảm với chị H; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tại phiên tòa, cả hai đều thừa nhận có mâu thuẫn trầm trọng, chị H đã đồng ý ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D yêu cầu được ly hôn đối với chị H, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần xử chấp nhận cho anh D ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung là V. N Phương Anh (nữ), sinh ngày 21/6/2008, V. N Hồng Anh (nữ), sinh ngày 10/9/2012 và V. N Thảo Anh (nữ), sinh ngày 28/5/2016. Anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy 02 cháu lớn có nguyện vọng ở với bố là anh D và cũng phù hợp với yêu cầu của anh D. Nên, cần giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu lớn là V. N Phương Anh và V. N Hồng Anh. Đối với cháu V. N Thảo Anh là con gái còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ là chị H nhiều hơn. Do vậy, giao cháu V. N Thảo Anh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cũng đảm bảo sự phát triển tốt cả về tinh thần và thể chất. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, do anh chị không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đến khi có sự thay đổi khác hoặc có đương sự yêu cầu.

Về tài sản chung, nhà đất chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét; về nợ chung: anh chị cùng xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội, anh V. B. D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V. B. D. Anh V. B. D được ly hôn chị N. T. H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung V. N Phương Anh (nữ), sinh ngày 21/6/2008 và V. N Hồng Anh (nữ), sinh ngày 10/9/2012 cho anh V. B. D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung V. N Thảo Anh (nữ), sinh ngày 28/5/2016 cho chị N. T. H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh V. B. D và chị N. T. H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V. B. D và chị N. T. H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh V. B. D và chị N. T. H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

4. Về nợ chung: Anh V. B. D và chị N. T. H cùng xác nhận không có. Tòa không xét.

5. Về án phí: Anh V. B. D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số:

AA/2020/0050627 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H. M, Thành phố Hà Nội. Anh V. B. D đã nộp đủ tiền án phí ly.

6. Về quyền kháng cáo: Anh V. B. D và chị N. T. H được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H. M;
- Chi cục THA dân sự quận H. M;
- UBND thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch, số 11 ngày 28/01/2005);
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN HOÀNG MAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h45' ngày 06/11/2019, tại Phòng Nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 750/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Vũ Thị Kim Anh, sinh năm 1979**

Nơi đăng ký hộ khẩu tH trú: Số 48, ngõ 165 đường Giáp Bát, pH Giáp Bát, quận H. M, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 22, ngõ 44, phố An Hòa, pH Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn*: **Anh Vũ Minh Tùng, sinh năm 1974**

Nơi đăng ký hộ khẩu tH trú và nơi cư trú: Số 48, ngõ 165 đường Giáp Bát, pH Giáp Bát, quận H. M, Thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, tôi thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với quan điểm của Bà Nguyễn Thị Lan
- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiều nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[2] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án hôm nay là đúng.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với đề xuất của bà Nguyễn Thị Lan
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[3] Về Điều luật áp dụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiêu nêu điều luật cần áp dụng để giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[4] Quyết định: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Kim Anh. Chị Vũ Thị Kim Anh được ly hôn anh Vũ Minh Tùng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Việt Hưng (nam), sinh ngày 27/4/2014 cho chị Vũ Thị Kim Anh trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Ngọc Minh Huy (nam), sinh ngày 19/4/2011 cho anh Tùng trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Vũ Minh Tùng và chị Vũ Thị Kim Anh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị Vũ Thị Kim Anh và anh Vũ Minh Tùng cùng xác nhận không có, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Kim Anh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0004518 ngày 06 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H. M, Thành phố Hà Nội. Chị Vũ Thị Kim Anh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Kim Anh và anh Vũ Minh Tùng được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Hội đồng xét xử sau khi nghe bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định, bà Phạm Thị Trinh và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ông Lê Quang Chiêu đồng ý với bà Nguyễn Thị Lan và biểu quyết. Kết quả biểu quyết nhất trí 100% (3/3).

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiêu